UBND ĐẶC KHU CÔ TÔ **TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 785/QĐ-MNCT	*Cô Tô, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cô Tô phê duyệt danh sách trẻ em mầm non được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027 của Trường Mầm non Cô Tô (Danh sách kèm theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cô Tô).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường mầm non Cô Tô, bộ phận hành chính - kế toán và các ông (bà) liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hường

UBND ĐẶC KHU CÔ TÔ
TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Cô Tô, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cô Tô phê duyệt danh sách trẻ em mầm non được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-MNCT ngày 09/10/2026 của Trường mầm non Cô Tô Về việc công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027;

Trường mầm non Cô Tô thông báo công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027 của Trường Mầm non Cô Tô ((Danh sách kèm theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cô Tô)).

Hình thức công khai: Bảng tin thông báo nhà trường, cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Trường Mầm non cô Tô thông báo để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên được biết./.

Nơi nhận:
- CB,GV,NV;
- Phụ huynh trẻ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

UBND ĐẶC KHU CÔ TÔ T.P QUẢNG NINH
TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

Nguyễn Thị Hường

UBND ĐẶC KHU CÔ TÔ

DANH SÁCH TRẺ EM MẦM NON ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 93/2025/NQ-HĐND
NĂM HỌC 2026 - 2027 VÀ HỌC HÈ NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 1067/UBND ngày 05/10/2026 của UBND đặc khu Cô Tô

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
1	Lê Hoàng Anh	21/01/2025	13-24 tháng A1	Lê Văn Tuấn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
2	Nguyễn Hải Anh	17/02/2025	13-24 tháng A1	Vũ Thị Gương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
3	Phạm Đức Anh	21/01/2025	13-24 tháng A1	Phạm Minh Hoàng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
4	Hoàng Nguyễn Minh Châu	01/04/2025	13-24 tháng A1	Hoàng Nguyễn Chung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
5	Nguyễn Tuấn Dương	18/05/2025	13-24 tháng A1	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
6	Đậu Hà My	01/05/2025	13-24 tháng A1	Đậu Sỹ Na	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
7	Nguyễn Ngọc An Nhi	23/04/2025	13-24 tháng A1	Nguyễn Đức Tiến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
8	Trần Thu Thùy	22/02/2025	13-24 tháng A1	Trần Thành Hiếu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
9	Phạm Mẫn Tiên	02/01/2025	13-24 tháng A1	Nguyễn Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
10	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	07/04/2025	13-24 tháng A1	Dương Thị Chang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
11	Bùi Minh Thư	05/07/2025	13-24 tháng A1	Bùi Văn Thành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
12	Bùi Ngọc Minh Nhi	04/01/2025	13-24 tháng A2	Bùi Đức Thành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
13	Hoàng Nguyễn Bảo Ngọc	04/01/2025	13-24 tháng A2	Tống Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
14	Nguyễn Ngọc Quang Minh	26/02/2025	13-24 tháng A2	Nguyễn Ngọc Duy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
15	Đặng Gia Huy	02/02/2025	13-24 tháng A2	Đặng Huy Hiệu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
16	Nguyễn Phạm Hà An	15/05/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Văn Chung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
17	Nguyễn Viết Tùng Anh	29/05/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Thị Loan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
18	Nguyễn Lê Minh Châu	18/09/2024	25-36 tháng A1	Lê Thị Vân Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
19	Lê Tô Quỳnh Chi	05/03/2024	25-36 tháng A1	Tô Thị Ngọc Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
20	Cao Minh Đức	09/06/2024	25-36 tháng A1	Lưu Thị Dinh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
21	Nguyễn Gia Huy	13/08/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Văn Duy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
22	Phạm Minh Khang	09/06/2024	25-36 tháng A1	Bùi Thị Minh Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
23	Phan Sỹ Đăng Khoa	15/06/2024	25-36 tháng A1	Phan Sỹ Hoàng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
24	Nguyễn Đăng Khôi	02/12/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Thị Khánh Ly	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
25	Phạm Tùng Lâm	13/05/2024	25-36 tháng A1	Trần Thị Kim Oanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
26	Bùi Thị Kim Loan	11/12/2024	25-36 tháng A1	Đào Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
27	Nguyễn Nhật Bảo Long	15/12/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Văn Hoàn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
28	Trần Bảo Long	24/01/2024	25-36 tháng A1	Trần Thị Lan Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
29	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	01/08/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Thị Lý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
30	Nguyễn Phạm Bảo Phúc	02/06/2024	25-36 tháng A1	Phạm Thị Hằng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
31	Nguyễn Anh Thư	25/08/2024	25-36 tháng A1	Lường Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
32	Nguyễn Thanh Trà	02/09/2024	25-36 tháng A1	Nguyễn Văn Tuấn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
33	Lê Đức Trung	05/01/2024	25-36 tháng A1	Bùi Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
34	Bùi Hải Yến	04/06/2024	25-36 tháng A1	Ngô Thị Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
35	Cao Nhật Nam	29/10/2024	25-36 tháng A1	Vũ Thị Lành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
36	Bùi Tuệ An	22/8/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thị Thu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
37	Đào Thiên An	11/4/2024	25-36 tháng A2	Đào Hồng Phong	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
38	Nguyễn Ngọc Anh Chi	22/07/2024	25-36 tháng A2	Phạm Thị Thùy Ninh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
39	Nguyễn Nhật Dũng	7/10/2024	25-36 tháng A2	Trần Thị Thanh Nhã	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
40	Nguyễn Hải Đăng	28/03/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
41	Nguyễn Trung Đức	19/02/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Văn Trung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
42	Nguyễn Huy Hoàng	03/11/2024	25-36 tháng A2	Phạm Thị Thu Hằng	Đặc khu Vân Đồn	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
43	Nguyễn Hữu Khang	07/12/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Hữu Mạnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
44	Phạm Tiến Khang	24/12/2024	25-36 tháng A2	Phạm Tiến Long	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
45	Hoàng Quốc Khánh	18/10/2024	25-36 tháng A2	Bùi Thị Liên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
46	Nguyễn Bảo Lâm	9/11/2024	25-36 tháng A2	Trần Thị Bích Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
47	Nguyễn Diệu Linh	16/09/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Văn Tài	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
48	Nguyễn Vũ Nhật Minh	27/12/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Mạnh Thái	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
49	Nguyễn Khôi Nguyên	26/06/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thị Thùy Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
50	Nguyễn Hạ Nhiên	03/06/2024	25-36 tháng A2	Tài Thị Loan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
51	Nguyễn Hồng Phát	16/08/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thị Hoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
52	Nguyễn Ngọc Thảo	02/11/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thị Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
53	Nguyễn Minh Triết	18/11/2024	25-36 tháng A2	Nguyễn Thế Hào	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
54	Vũ Lê Hà Vy	16/05/2024	25-36 tháng A2	Lê Thị Hải Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
55	Phan Thiều Vân Anh	25/12/2024	25-36 tháng A3	Phan Thị Dung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
56	Trần Ngọc Minh Anh	02/02/2024	25-36 tháng A3	Nguyễn Thị Thúy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
57	Lê Quỳnh Đan	05/11/2024	25-36 tháng A3	Voòng Thị Ngân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
58	Nguyễn Quang Hải	30/08/2024	25-36 tháng A3	Bùi Thị Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
59	Nguyễn Trần Gia Hân	27/11/2024	25-36 tháng A3	Trần Thị Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
60	Phạm Ngọc Hân	14/08/2024	25-36 tháng A3	Nguyễn Thị Thanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
61	Ngô Duy Hoàng	01/07/2024	25-36 tháng A3	Ngô Trọng Nghĩa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
62	Đặng Bùi Gia Huy	12/11/2024	25-36 tháng A3	Bùi Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
63	Nguyễn Hải Huy	02/04/2024	25-36 tháng A3	Vũ Thị Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
64	Nguyễn Ngọc Lan	14/03/2024	25-36 tháng A3	Nguyễn Văn Sĩ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
65	Nguyễn Khánh Ngọc	18/12/2024	25-36 tháng A3	Phạm Thị Hạnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
66	Bùi Đức Đăng Phong	09/12/2024	25-36 tháng A3	Bùi Đức Khánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
67	Nguyễn Hoàng Phúc	03/06/2024	25-36 tháng A3	Nguyễn Thị Ngà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
68	Đặng Thanh Thủy	25/11/2024	25-36 tháng A3	Đặng Bá Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
69	Nguyễn Công Trí	25/08/2024	25-36 tháng A3	Nguyễn Thị Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
70	Nguyễn Nhật Tuệ	22/07/2024	25-36 tháng A3	Mè Thị Thêm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
71	Đinh Văn Đạt	29/06/2024	25-36 tháng A4	Đinh Văn Quang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
72	Đào Phi Hùng	26/11/2024	25-36 tháng A4	Phạm Tú Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
73	Phạm Văn Huy	06/03/2024	25-36 tháng A4	Phạm Văn Thắng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
74	Hà Minh Khánh	23/08/2024	25-36 tháng A4	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
75	Nguyễn Khả Ngân	31/07/2024	25-36 tháng A4	Nguyễn Văn Cường	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
76	Nguyễn Huy Phong	17/07/2024	25-36 tháng A4	Nguyễn Văn Tuấn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
77	Nguyễn Xuân Phú	28/11/2024	25-36 tháng A4	Đào Thị Hải	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
78	Đinh Xuân Phúc	18/04/2024	25-36 tháng A4	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
79	Đỗ Minh Phương	24/07/2024	25-36 tháng A4	Đỗ Thành Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
80	Trần Quốc Bảo	21/1/2025	25-36 tháng A5	Trần Văn Phong	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
81	Nguyễn Minh Đạt	04/01/2025	25-36 tháng A5	Nguyễn Hương Giang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
82	Lê Đức Bình	27/3/2024	25-36 tháng A5	Lê Đức Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
83	Trần Đức Tài	14/3/2024	25-36 tháng A5	Trần Mộng Lân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
84	Vũ An Nhiên	15/2/2024	25-36 tháng A5	Cao Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
85	Trần Khánh Chi	19/2/2024	25-36 tháng A5	Trần Văn Đính	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
86	Phạm Hà Phương	18/4/2024	25-36 tháng A5	Phạm Văn Chi	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
87	Mai Uy Vũ	18/4/2024	25-36 tháng A5	Mai Văn Công	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
88	Bùi Thanh Tú	01/12/2024	25-36 tháng A5	Nguyễn Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
89	Nguyễn Thị Bảo Ngân	01/04/2024	25-36 tháng A5	Nguyễn Thị Lý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
90	Nguyễn Bùi Linh Đan	21/3/2024	25-36 tháng A5	Nguyễn Hoàng Tiệp	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
91	Trần Gia Hân	23/2/2024	25-36 tháng A5	Lê Thị Cúc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
92	Hoàng Bình An	03/07/2024	25-36 tháng A6	Lê Hải Yến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
93	Nguyễn Anh Chi	05/09/2023	3-4 tuổi A1	Phạm Thị Thuỳ Dương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
94	Ngô Hoàng Dương	28/11/2023	3-4 tuổi A1	Ngô Đình Nhu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
95	Phạm Thành Đô	31/10/2023	3-4 tuổi A1	Phạm Văn Đủ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
96	Nguyễn Xuân Minh Đức	01/11/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
97	Đặng Gia Huy	14/11/2023	3-4 tuổi A1	Phan Thị Huệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
98	Đoàn Anh Minh	12/09/2023	3-4 tuổi A1	Đoàn Trọng Tú	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
99	Nguyễn Phúc Tường Minh	12/01/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
100	Ngô Hoàng Ngân	05/05/2023	3-4 tuổi A1	Ngô Công Hùng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
101	Vũ Hà Nhi	27/10/2023	3-4 tuổi A1	Vương Hải Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
102	Lê Xuân Phú	21/08/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
103	Nguyễn Xuân Minh Phúc	01/11/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
104	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/10/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Bá Tưởng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
105	Nguyễn Đức Thiện	29/07/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Thuý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
106	Lương Anh Thư	18/08/2023	3-4 tuổi A1	Nguyễn Thị Thuỳ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
107	Phạm Anh Thư	16/05/2023	3-4 tuổi A1	Hà Thị Nga	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
108	Đỗ Hữu Minh Trí	03/09/2023	3-4 tuổi A1	Đỗ Hữu Mài	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
109	Nguyễn Tuấn Anh	09/10/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
110	Nguyễn Lê An Nhiên	01/06/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Khánh Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
111	Hoàng Thanh Sơn	28/07/2023	3-4 tuổi A2	Tạ Thị Yến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
112	Lê Minh Anh	21/04/2023	3-4 tuổi A2	Vũ Thị Kiều Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
113	Lê Tú Anh	21/04/2023	3-4 tuổi A2	Vũ Thị Kiều Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
114	Bùi Việt Anh	03/02/2023	3-4 tuổi A2	Bùi Văn Huy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
115	Nguyễn Ngọc Hải Dương	12/06/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Văn Tuấn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
116	Phan Ngọc Khánh Vi	16/10/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Thị Mai	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
117	Đinh An Nhiên	20/12/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Thị Loan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
118	Phạm Anh Tú	23/11/2023	3-4 tuổi A2	Trần Thị Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
119	Lê Phương Anh	10/03/2023	3-4 tuổi A2	Trịnh Thị Phương Chinh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
120	Cao Tùng Anh	17/07/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
121	Hoàng Văn Phúc	26/10/2023	3-4 tuổi A2	Nguyễn Thị Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
122	Lê Ngọc Anh Thy	17/9/2023	3-4 tuổi A2	Lê Thị Huệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
123	Điêu Chính Minh Khôi	24/8/2023	3-4 tuổi A2	Võ Thị Lý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
124	Trần Nguyễn Duy Anh	13/09/2023	3-4 tuổi A3	Nguyễn Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
125	Vũ Đức Đạt	27/10/2023	3-4 tuổi A3	Nguyễn Thị Đoan Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
126	Phạm Hải Đăng	09/10/2023	3-4 tuổi A3	Hà Thị Bích Thuỷ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
127	Nguyễn Viết Khang	01/09/2023	3-4 tuổi A3	Lai Thị Tâm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
128	Phạm Tuấn Kiệt	29/03/2023	3-4 tuổi A3	Phạm Lý Bình	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
129	Lê Đức Phúc	06/10/2023	3-4 tuổi A3	Nguyễn Thị Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
130	Đỗ Khánh Vy	26/07/2023	3-4 tuổi A3	Nguyễn Thị Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
131	Nguyễn Ngọc Khánh An	17/01/2023	3-4 tuổi A3	Lưu Trà My	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
132	Phạm Trâm Anh	08/06/2023	3-4 tuổi A3	Bùi Thị Thoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
133	Hoàng Hạnh An	16/03/2023	3-4 tuổi A3	Hoàng Thu Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
134	Châu Mạnh Hùng	03/08/2023	3-4 tuổi A3	Phạm Thị Thi	Đặc khu Vân Đồn	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
135	Vũ Đình Quang	26/03/2023	3-4 tuổi A3	Phạm Ngọc Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
136	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2023	3-4 tuổi A3	Trần Thị Nguyệt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
137	Nguyễn Hà Vy	18/10/2023	3-4 tuổi A3	Trần Thị Hằng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
138	Nguyễn Hưng Đan	3/5/2023	3-4 tuổi A3	Nguyễn Văn Điệp	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
139	Lê Tuấn Vũ	26/10/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Thị Kiều Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
140	Ngô Khôi Vỹ	15/11/2023	3-4 tuổi A4	Đỗ Thị Hoà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
141	Nguyễn Trung Hiếu	28/8/2023	3-4 tuổi A4	Mai Ánh Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
142	Nguyễn Việt Hải Đăng	12/9/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Thị Thúy Nga	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
143	Bùi Tích Toàn	19/09/2023	3-4 tuổi A4	Bùi Tích Toản	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
144	Nguyễn Ngọc Ánh	31/08/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Văn Thắng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
145	Lường Thịnh Hưng	16/06/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Thị Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
146	Bùi Ngọc Phương Linh	03/08/2023	3-4 tuổi A4	Trần Thị Thủy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
147	Nguyễn Hoàng Đức	22/09/2023	3-4 tuổi A4	Ngô Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
148	Phạm Bảo Trang	01/10/2023	3-4 tuổi A4	Phạm Văn Biển	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
149	Đào Ngọc Hân	18/11/2023	3-4 tuổi A4	Lê Thị Hồng Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
150	Phạm Ngọc Hà My	01/11/2023	3-4 tuổi A4	Trần Thị Mai	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
151	Bùi Đức Nam Dương	14/12/2023	3-4 tuổi A4	Bùi Đức Thành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
152	Trần Bình An	10/5/2023	3-4 tuổi A4	Trần Thị Vân Thanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
153	Phan Thiều Thùy Vân	25/01/2023	3-4 tuổi A4	Phan Thị Dung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
154	Phan Nguyễn Huỳnh Như	01/04/2023	3-4 tuổi A4	Phan Trọng Mạnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
155	Phạm Như Ý	31/10/2023	3-4 tuổi A4	Phan Ngọc Trinh Nguyên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
156	Bùi Văn Thịnh	14/11/2023	3-4 tuổi A4	Bùi Đình Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
157	Đỗ Đức Huy	09/11/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Thị Giang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
158	Nguyễn Việt Hoàng	15/08/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Văn Hùng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
159	Nguyễn Gia Huy	06/05/2023	3-4 tuổi A4	Nguyễn Thị Tường Vy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
160	Nguyễn Tâm Anh	19/10/2023	3-4 tuổi A5	Phạm Thị Loan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
161	Vũ Tuấn Anh	6/1/2023	3-4 tuổi A5	Nguyễn Thị Mai Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
162	Ngô Khánh Duy	14/2/2023	3-4 tuổi A5	Tô Thị Lệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
163	Vũ Quang Hải	24/12/2023	3-4 tuổi A5	Vũ Thị Ngọc Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
164	Bùi Khả Hân	24/3/2023	3-4 tuổi A5	Nguyễn Thị Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
165	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	20/4/2023	3-4 tuổi A5	Nguyễn Văn Hoàng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
166	Vương Gia Linh	25/1/2023	3-4 tuổi A5	Nguyễn Thị Hoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
167	Nguyễn Bảo Ngọc	3/4/2023	3-4 tuổi A5	Nguyễn Thị Năm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
168	Phạm Đức Nhẫn	3/12/2023	3-4 tuổi A5	Phạm Ngọc Hoàng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
169	Nguyễn Viết Phương	14/2/2023	3-4 tuổi A5	Bùi Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
170	Dương Nguyễn Tú Anh	30/09/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Nguyệt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
171	Lê Hà My	11/07/2023	3-4 Tuổi A6	Lê Thị Lan Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
172	Hoàng Anh Phúc	08/05/2023	3-4 Tuổi A6	Lê Thị Yến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
173	Nguyễn Chí Thành	19/08/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Nhiên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
174	Bùi Thanh Toàn	28/02/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
175	Nguyễn Ngọc Tâm An	20/10/2023	3-4 Tuổi A6	Phạm Thị Thu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
176	Nguyễn Bích Diệp	15/01/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
177	Trần Gia Hân	28/03/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
178	Nguyễn Xuân Khánh	06/11/2023	3-4 Tuổi A6	Hoàng Thị Quế	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
179	Nguyễn Tú Linh	04/07/2023	3-4 Tuổi A6	Vũ Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
180	Vũ Nguyễn Khánh Linh	19/08/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Thu Thủy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
181	Nguyễn Duy Mạnh	24/05/2023	3-4 Tuổi A6	Vi Thị Huệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
182	Nguyễn Tuấn Phong	10/08/2023	3-4 Tuổi A6	Phạm Thị Ngọc Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
183	Nguyễn Vượng	20/08/2023	3-4 Tuổi A6	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
184	Nguyễn Văn Trường An	22/02/2023	3-4 tuổi A7	Nguyễn Thị Cảnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
185	Bùi Văn Gia Bảo	11/8/2023	3-4 tuổi A7	Bùi Văn Chung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
186	Nguyễn Duy Hoàng	10/2/2023	3-4 tuổi A7	Nguyễn Thị Sinh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
187	Hoàng Nhật Minh	13/12/2023	3-4 tuổi A7	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
188	Nguyễn Minh Phát	29/06/2023	3-4 tuổi A7	Trần Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
189	Tạ Khánh Toàn	30/09/2023	3-4 tuổi A7	Tạ Văn Thịnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
190	Nguyễn Bảo Uyên	24/12/2023	3-4 tuổi A7	Nguyễn Văn Thành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
191	Đồng Nhật Nga	19/10/2023	3-4 tuổi A7	Hoàng Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
192	Bùi Thiên Bảo An	01/11/2022	4-5 tuổi A1	Bùi Đức Tháp	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
193	Hoàng Nguyễn Việt Anh	23/10/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Hoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
194	Mai Ngọc Trâm Anh	23/10/2022	4-5 tuổi A1	Trần Thị Kiều Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
195	Nguyễn Khánh Duy	12/10/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Văn Nguyên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
196	Nguyễn Minh Hiếu	22/06/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
197	Nguyễn Trung Hiếu	31/12/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
198	Lê Nguyễn Gia Hưng	12/04/2022	4-5 tuổi A1	Lê Văn Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
199	Lưu Đăng Khôi	11/12/2022	4-5 tuổi A1	Lưu Khắc Dương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
200	Hà Anh Khôi	18/05/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
201	Nguyễn Duy Khôi	08/08/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Duy Việt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
202	Hoàng Hạ Ly	12/05/2022	4-5 tuổi A1	Hoàng Thiện Phúc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
203	Nguyễn Duy Minh	21/11/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Văn Duy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
204	Trần Lê Thảo Nguyên	05/11/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
205	Phạm Hoàng Thanh Thanh	28/05/2022	4-5 tuổi A1	Đinh Thị Mai Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
206	Nguyễn Phúc Thịnh	11/10/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Minh Tiến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
207	Khuất Thảo Thư	07/07/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
208	Lê Xuân Trường	17/02/2022	4-5 tuổi A1	Phạm Thị Định	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
209	Phạm Anh Tuấn	03/03/2022	4-5 tuổi A1	Trần Thị Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
210	Vũ Minh Thư	22/05/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
211	Hoàng Minh Quân	08/11/2022	4-5 tuổi A1	Nguyễn Thị Mai	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
212	Cao Tú Quỳnh	08/11/2022	4-5 tuổi A1	Lưu Thị Dinh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
213	Bùi Trí Bình	24/02/2022	4-5 tuổi A1	Ngô Thị Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
214	Nguyễn Vũ Duy Long	29/04/2022	4-5 tuổi A2	Vũ Thị Bích Diệp	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
215	Vương Tuệ An	09/12/2022	4-5 tuổi A2	Vũ Thị Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
216	Bùi Hoàng Minh Anh	13/02/2022	4-5 tuổi A2	Hoàng Thị Chiên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
217	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	13/05/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Thị Ngân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
218	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30/06/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Đăng Tiến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
219	Đinh Phương Dung	30/01/2022	4-5 tuổi A2	Bùi Thị Hào	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
220	Phạm Phúc Khang	26/12/2022	4-5 tuổi A2	Phạm Sơn Tùng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
221	Nguyễn Anh Khoa	01/07/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Đình Long	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
222	Vũ Đức Khôi	28/01/2022	4-5 tuổi A2	Trần Thị Thu Hằng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
223	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/10/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Thanh Văn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
224	Bùi Tùng Minh	24/08/2022	4-5 tuổi A2	Phạm Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
225	Phạm Hoàng Minh	24/11/2022	4-5 tuổi A2	Phạm Văn Quynh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
226	Nguyễn Khánh My	19/04/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Thành Nam	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Đia chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
227	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/02/2022	4-5 tuổi A2	Tài Thị Cam	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
228	Nguyễn Tuệ Nhi	11/08/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Thị Lan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
229	Nguyễn Vũ Tiến Phát	16/03/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Thị Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
230	Trần Hữu Phát	27/02/2022	4-5 tuổi A2	Trần Hữu Phước	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
231	Nguyễn Thanh Sơn	25/08/2022	4-5 tuổi A2	Trịnh Thị Kiều Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
232	Nguyễn Đức Thịnh	27/09/2022	4-5 tuổi A2	Nguyễn Văn Thắng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
233	Đặng Bảo Trâm	11/07/2022	4-5 tuổi A2	Hoàng Thị Kim	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
234	Trần Khánh Vy	03/10/2022	4-5 tuổi A2	Trần Đức Sơn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
235	Vũ Ngọc Yến	27/11/2022	4-5 tuổi A2	Đoàn Thị Mai	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
236	Lê Bùi Yến Vy	3/10/2022	4-5 tuổi A3	Bùi Thị Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
237	Nguyễn Thanh Phong	13/04/2022	4-5 tuổi A3	Nguyễn Văn Sỹ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
238	Ngô Ngọc Ánh	20/11/2022	4-5 tuổi A3	Ngô Văn Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
239	Lê Thị Phương Anh	11/02/2022	4-5 tuổi A3	Bùi Thị Dung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
240	Trần Quỳnh Anh	14/09/2022	4-5 tuổi A3	Phạm Thị Ngọc Lan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
241	Trần Ngọc Minh Châu	5/4/2022	4-5 tuổi A3	Nguyễn Thị Thúy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
242	Bùi Đăng Nguyên	16/11/2022	4-5 tuổi A3	Bùi Đăng Khải	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
243	Lê Thị Ngọc Hương	15/10/2022	4-5 tuổi A3	Voòng Thị Ngân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
244	Nguyễn Tuấn Kiệt	13/02/2022	4-5 tuổi A3	Đinh Thị Huệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
245	Đặng Nguyên Vũ	24/11/2022	4-5 tuổi A3	Đặng Bá Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
246	Bùi Nam Phong	25/7/2022	4-5 tuổi A3	Bùi Tiến Giang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
247	Nguyễn Hoàng Sang	05/11/2022	4-5 tuổi A3	Vùi Thị Vân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
248	Trần Hữu Thái Sơn	17/11/2022	4-5 tuổi A3	Nguyễn Thị Tuyến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
249	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	26/07/2022	4-5 tuổi A4	Nguyễn Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
250	Đặng Vũ Khả Hân	09/04/2022	4-5 tuổi A4	Đặng Xuân Thủy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
251	Tô Gia Huy	15/08/2022	4-5 tuổi A4	Nguyễn Thị Lanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
252	Nguyễn Hoàng Nam	21/01/2022	4-5 tuổi A4	Nguyễn Văn Đức	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
253	Đào Thu Quỳnh	10/09/2022	4-5 tuổi A4	Phạm Tú Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
254	Mai Việt Anh	15/11/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Thu Trinh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
255	Hoàng Đức Anh	01/05/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Thanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
256	Lê Đức Anh	15/7/2022	4-5 tuổi A5	Tống Thị Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
257	Nguyễn Ngọc Kim Anh	06/04/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Lý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
258	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	28/2/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Huyền Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
259	Hoàng Nhật Bảo	10/05/2022	4-5 tuổi A5	Hoàng Thị Bích	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
260	Phạm Đức Cường	25/2/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Tuyết	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
261	Nguyễn Ngọc Minh Đức	08/10/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Văn Viễn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
262	Vũ Nguyễn Minh Khoa	24/10/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Thương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
263	Mai Tiến Thành	22/2/2022	4-5 tuổi A5	Mai Thị Hoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
264	Trần Anh Tú	12/3/2022	4-5 tuổi A5	Lê Thị Nga	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
265	Thái Minh Vũ	18/2/2022	4-5 tuổi A5	Thái Văn Minh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
266	Nguyễn Minh Khang	06/04/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Văn Nam	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
267	Nguyễn Ngọc Tú Linh	20/11/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Văn Tứ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
268	Nguyễn Văn Khánh Thành	19/12/2022	4-5 tuổi A5	Nguyễn Thị Lộc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
269	Nguyễn Minh Vũ	12/11/2022	4-5 tuổi A5	Bùi Thị Linh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
270	Hoàng Thị Bảo An	30/11/2022	4-5 tuổi A6	Hoàng Đức Việt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
271	Nguyễn Hoài An	22/9/2022	4-5 tuổi A6	Nguyễn Thị Thúy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
272	Nguyễn Anh Đại	13/2/2022	4-5 tuổi A6	Vũ Thị Phương Thúy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
273	Nguyễn Thu Hòa	20/01/2022	4-5 tuổi A6	Trịnh Thị Nga	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
274	Nguyễn Trọng Minh Khang	21/08/2022	4-5 tuổi A6	Lê Ngọc Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
275	Lê Nguyễn Ngọc Luân	30/7/2022	4-5 tuổi A6	Nguyễn Thị Huệ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
276	Nguyễn Bảo Nhi	17/2/2022	4-5 tuổi A6	Nguyễn Văn Thành	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
277	Nguyễn Ngọc Phượng	17/8/2022	4-5 tuổi A6	Đoàn Thị Tâm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
278	Nguyễn Ngọc Hà My	09/02/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Thị Mai	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
279	Lê Tô Hà My	30/05/2021	5-6 tuổi A1	Tô Thị Ngọc Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
280	Nguyễn Đức Trưởng	03/06/2021	5-6 tuổi A1	Trần Thị Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
281	Đặng Hải Nam	25/09/2021	5-6 tuổi A1	Đặng Văn Bách	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
282	Phạm Quốc Tuấn	30/06/2021	5-6 tuổi A1	Phạm Quốc Hưng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
283	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30/06/2021	5-6 tuổi A1	Lê Thị Thúy Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
284	Lê Nguyễn Ngọc Diệp	02/08/2021	5-6 tuổi A1	Hoàng Thị Tuyết	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
285	Lê Thu Hiền	05/07/2021	5-6 tuổi A1	Lê Văn Đăng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
286	Vương Trung Hiếu	15/08/2021	5-6 tuổi A1	Vũ Thị Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
287	Nguyễn Viết Thiên An	17/08/2021	5-6 tuổi A1	Đinh Thị Duyên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
288	Trần Đức Tâm	28/11/2021	5-6 tuổi A1	Ngô Thị Ánh Nguyệt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
289	Nguyễn Nghiêm Bảo Lâm	30/09/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Nghiêm Bảo Lâm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
290	Vũ Hoàng Bảo Khang	06/10/2021	5-6 tuổi A1	Hoàng Hải Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
291	Dương Hà My	26/10/2021	5-6 tuổi A1	Trần Đình Ngân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
292	Ngần Khánh Ngọc	12/11/2021	5-6 tuổi A1	Ngần Văn Hùng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
293	Nguyễn Ngọc Minh Anh	17/11/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Thị Duyên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
294	Tạ Kim Ngân	29/07/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Thị Nhung	Đặc khu Vân Đồn	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
295	Nguyễn Thị Mai Trang	22/11/2021	5-6 tuổi A1	Mai Thị Lan Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Đia chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
296	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	12/06/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Huy Hiệu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
297	Nguyễn Hải Đăng	04/07/2021	5-6 tuổi A1	Nguyễn Văn Tuấn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
298	Phạm Thiên Vũ	15/04/2021	5-6 tuổi A1	Trần Thị Nhàn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
299	Vũ Quang Tiến	28/4/2021	5-6 tuổi A1	Bùi Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
300	Phạm Bảo Nhật	19/8/2021	5-6 tuổi A1	Phạm Văn Quốc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
301	Lê Xuân Trường	19/8/2018	5-6 tuổi A1	Lê Công Tuấn Anh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	1		1	360.000	360.000	Trẻ xin nghỉ học từ 01/10/2026 (trẻ 9 tuổi khuyết tật xin nghỉ)
302	Nguyễn Chí Dũng	25/09/2021	5-6 tuổi A2	Đỗ Thị Quỳnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
303	Phạm Hà Như	24/02/2021	5-6 tuổi A2	Hà Thị Bích Thủy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
304	Đinh Ngọc Duy	12/10/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
305	Nguyễn Đức Thành	30/03/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Văn Thắng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
306	Hoàng Minh Long	18/01/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Ngoan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
307	Nguyễn Phạm Anh Quân	28/06/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Xuân Chung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
308	Nguyễn Phạm Hà My	04/11/2021	5-6 tuổi A2	Phạm Thị Sim	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
309	Nguyễn Phương Linh	22/06/2021	5-6 tuổi A2	Bùi Thị Thanh Huyền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
310	Nguyễn Ngọc Gia Hân	05/09/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Ngoan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
311	Nguyễn Viết Minh	18/10/2021	5-6 tuổi A2	Phạm Thị Minh Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
312	Trần Khánh Huyền	13/12/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Bích Hồng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
313	Ngô Khôi Nguyên	09/12/2021	5-6 tuổi A2	Đỗ Thị Hòa	Đặc khu Vân Đồn	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
314	Lê Trường Đại	06/12/2021	5-6 tuổi A2	Vương Thị Tuyết	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
315	Phạm Bình An	11/01/2021	5-6 tuổi A2	Phạm Văn Tình	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
316	Nguyễn Bảo Anh	20/08/2021	5-6 tuổi A2	Đặng Thị Huyền Trang	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
317	Trần Hữu Hưng	14/02/2021	5-6 tuổi A2	Lại Thị Thơm	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
318	Nguyễn Duy Hoàng	21/04/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Văn Hoàn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
319	Hoàng Phương Linh	03/05/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Phương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
320	Nguyễn Hải Quân	04/02/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Đức Tiến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
321	Lê Mạnh Quân	09/01/2021	5-6 tuổi A2	Võ Thị Hồng Thương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
322	Ngô Hoàng Ánh Dương	25/08/2021	5-6 tuổi A2	Ngô Quang Thực	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
323	Nguyễn Gia Huy	06/11/2021	5-6 tuổi A2	Lê Thị Xuân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
324	Nguyễn Khánh Ngân	01/06/2021	5-6 tuổi A2	Nguyễn Thị Minh Thư	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
325	Nguyễn Bảo Tuấn	13/12/2021	5-6 tuổi A2	Lê Thị Thúy Phượng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
326	Nguyễn Hải Anh	1/2/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Thế Văn	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
327	Nguyễn Bảo Khang	14/2/2021	5-6 tuổi A3	Phạm Phương Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
328	Bùi Ngọc Diệu Anh	20/4/2021	5-6 tuổi A3	Bùi Hùng Cường	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
329	Võ Thị Minh Thư	25/1/2021	5-6 tuổi A3	Đào Thị Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
330	Lê Đức Long	16/6/2021	5-6 tuổi A3	Phạm Thị Chi	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
331	Lê Hùng Sơn	6/7/2021	5-6 tuổi A3	Lê Thị Lan Hương	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
332	Trần Quỳnh Anh	17/8/2021	5-6 tuổi A3	Đào Thị Thương Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
333	Bùi Ngọc Hà My	20/4/2021	5-6 tuổi A3	Bùi Hùng Cường	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
334	Lê Phúc Thịnh	10/9/2021	5-6 tuổi A3	Ngô Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
335	Ngô Minh Duy	19/9/2021	5-6 tuổi A3	Ngô Trung Nghĩa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
336	Nguyễn Ý Học	8/10/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Đức Ngọ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
337	Phạm Minh Khôi	27/3/2021	5-6 tuổi A3	Phạm Thị Quỳnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
338	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	9/11/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Thị Thuý Nga	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Địa chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
339	Bùi Đức Thiện	25/11/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Thị Ngọc	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
340	Hoàng Bảo An	20/11/2021	5-6 tuổi A3	Lê Thị Dung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
341	Lường Anh Khôi	5/5/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Thị Hiền	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
342	Lường Đăng Khoa	14/3/2021	5-6 tuổi A3	Phạm Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
343	Nguyễn Bảo Trâm	4/7/2021	5-6 tuổi A3	Đỗ Thị Nữ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
344	Phạm Văn Đăng	12/12/2021	5-6 tuổi A3	Phạm Văn Cường	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
345	Nguyễn Hải Đăng	23/3/2021	5-6 tuổi A3	KSƠR H' uyên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
346	Nguyễn Thanh Hà	1/5/2021	5-6 tuổi A3	Nguyễn Thị Chen	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
347	Nguyễn Gia Bảo	7/12/2021	5-6 tuổi A3	Lâm Thị Hiên	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
348	Đặng Diệu Chi	3/12/2021	5-6 tuổi A3	Đào Huy Hiệu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
349	Đào Tuệ An	6/12/2021	5-6 tuổi A3	Lê Thị Thủy	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
350	Lê Minh Anh	18/4/2021	5-6 tuổi A4	Hoàng Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
351	Lại Đức Đại Quang	14/4/2021	5-6 tuổi A4	Vũ Thị My	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
352	Nguyễn Khả Hân	03/03/2021	5-6 tuổi A4	Nguyễn Văn Cường	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
353	Đào Thị Trà My	01/01/2021	5-6 tuổi A4	Đào Văn Cao	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
354	Vũ Xuân Phúc	25/10/2021	5-6 tuổi A4	Nguyễn Ngọc Oanh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
355	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	20/10/2021	5-6 tuổi A4	Nguyễn Văn Đức	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
356	Nguyễn Hoàng Việt Anh	15/06/2021	5-6 tuổi A5	Trịnh Thị Lịch	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
357	Nguyễn Minh Khang	11/4/2021	5-6 tuổi A5	Mai Thị Thuý	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
358	Trần Nguyên Khang	01/03/2021	5-6 tuổi A5	Mai Thị Gái	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
359	Vũ Minh Khang	18/10/2021	5-6 tuổi A5	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
360	Nguyễn Trần Tuệ Lâm	17/05/2021	5-6 tuổi A5	Trần Thị Lan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
361	Cao Thế Minh	20/01/2021	5-6 tuổi A5	Ngô Thị Xuân	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Họ tên cha mẹ/ người giám hộ	Đia chỉ thường trú (Ghi cụ thể)	Nhóm đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 4, NQ93	Số tháng năm học 2026-2027	Số tháng học hè năm 2027	Tổng số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
362	Lò Quang Minh	4/9/2021	5-6 tuổi A5	Nguyễn Văn Ngôi	Đặc khu Cô Tô	Trẻ hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng tại K1 Điều 5 NĐ20/2021/NĐ-CP	9	2	11	360.000	3.960.000	
363	Nguyễn Hà Phương	29/11/2021	5-6 tuổi A5	Nguyễn Thị Nhung	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
364	Trần Thiên Uy	17/03/2021	5-6 tuổi A5	Nguyễn Thị Hoa	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
365	Lưu Hoàng Bảo Long	11/6/2021	5-6 tuổi A5	Lưu Văn Bình	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
366	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	28/08/2021	5-6 tuổi A5	Phạm Thị Ngọc Ánh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
367	Hoàng Đăng Khoa	11/02/2021	5-6 tuổi A5	Nguyễn Thị Tuyết	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
368	Nguyễn Ngọc Anh	10/2/2021	5-6 tuổi A6	Nguyễn Thị Lan	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
369	Hoàng Đức Gia Bảo	20/9/2021	5-6 tuổi A6	Hoàng Đức Mạnh	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
370	Đoàn Lê Nhật Hạ	29/6/2021	5-6 tuổi A6	Lê Thị Nữ	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
371	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/10/2021	5-6 tuổi A6	Phạm Thị Tiến	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
372	Lâm Tuấn Lộc	29/6/2021	5-6 tuổi A6	Nguyễn Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
373	Nguyễn Duy Minh	23/3/2021	5-6 tuổi A6	Nguyễn Duy Công	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
374	Nguyễn Quang Phát	14/8/2021	5-6 tuổi A6	Nguyễn Thị Sáu	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
375	Đinh Nguyễn Thanh Thịnh	26/8/2021	5-6 tuổi A6	Đinh Văn Thắng	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
376	Bùi Ngô Anh Tú	4/6/2021	5-6 tuổi A6	Ngô Thị Hà	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
377	Đào Duy Thịnh	31/8/2021	5-6 tuổi A6	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
378	Đồng Minh Tuấn	6/9/2021	5-6 tuổi A6	Hoàng Thị Thảo	Đặc khu Cô Tô	Trẻ và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại xã đảo	9	2	11	360.000	3.960.000	
	CỘNG										**1.493.280.000**	

(Danh sách trên ấn định: 378 trẻ)

Số tiền bằng chữ: Một tỉ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÔ TÔ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1067/QĐ-UBND	*Cô Tô, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách trẻ em mầm non được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh năm học 2026 - 2027 và học hè năm học 2026 - 2027

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÔ TÔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 19/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Công văn số 456/SGDĐT-KHTC ngày 05/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu Cô Tô tại Tờ trình số 458/TTr-VHXH ngày 05/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em mầm non được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố năm học 2026-2027 và học hè năm học 2026-2027 trên địa bàn đặc khu như sau:

1. Tổng số trẻ em được phê duyệt: 378 trẻ.

2. Mức hỗ trợ: 360.000 đồng/trẻ/tháng.

3. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian thực tế học của trẻ em tại cơ sở giáo dục và tính từ thời điểm trẻ em đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định; thời gian cụ thể của từng trẻ thực hiện theo danh sách kèm theo Quyết định này.

4. Tổng kinh phí hỗ trợ: 1.493.280.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Có Phụ lục danh sách chi tiết kèm theo Quyết định này).

5. Nguồn kinh phí và nguyên tắc thực hiện

(1) Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

(2) Việc quản lý, sử dụng, chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chính sách; tổng hợp, báo cáo UBND đặc khu và Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định; kịp thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Phòng Kinh tế đặc khu chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí, phân bổ kinh phí; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định.

3. Trường Mầm non Cô Tô chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, danh sách, đối tượng, điều kiện và thời gian hưởng chính sách; thực hiện công khai danh sách, tổ chức chi trả đúng đối tượng, đúng mức, đúng thời gian; quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí theo quy định; không để xảy ra trùng hưởng, sai đối tượng hoặc lợi dụng chính sách.

Trường hợp trẻ em có tên trong danh sách đã được phê duyệt nhưng qua rà soát không còn đủ điều kiện hưởng hỗ trợ hoặc có thay đổi về thời gian hưởng, Trường Mầm non Cô Tô tạm dừng chi trả đối với phần kinh phí chưa thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND đặc khu (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, điều chỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Trưởng phòng Kinh tế; Hiệu trưởng Trường Mầm non Cô Tô; các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, VHXH.

Châu Ngọc Khiêm
Ký bởi: Phạm Văn Bảy

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D ĐẶC KHU CÔ TÔ T.P QUẢNG NINH

Đỗ Huy Thông